

Số: 2612/KHVT

Xuân Hòa, ngày 22 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v xác định VTTB A-B và yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật trong gói thầu phần điện và không chuyên điện công trình “Hoàn thiện lưới điện khu vực Phường 1, phường 2, Phường 3, phường 4 Quận 3”.

Căn cứ văn bản số 4778/EVNHCMC-KH ngày 02/11/2021 của Tổng công ty Điện lực Tp.HCM về việc ban hành danh mục mua sắm tập trung và phân cấp mua sắm VTTB áp dụng từ năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-PCSG ngày 19/6/2025 của Công ty Điện lực Sài Gòn về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng đầu tư xây dựng Công trình “Hoàn thiện lưới điện khu vực Phường 1, phường 2, Phường 3, phường 4 Quận 3”;

Căn cứ Quyết định số QĐ-PCSG ngày 19/12/2025 của Công ty Điện lực Sài Gòn về việc phê duyệt hủy đấu thầu gói thầu Cung cấp VTTB, thi công xây dựng và mua bảo hiểm công trình “Hoàn thiện lưới điện khu vực Phường 1, phường 2, Phường 3, phường 4 Quận 3”;

Để có cơ sở lập giá gói thầu, Phòng KHVT, Phòng KTAT đồng kính trình Ông Giám đốc chấp thuận phê duyệt VTTB A cấp, B cấp trong công trình nêu trên như sau:

1. Gói thầu thi công:

Xác định VTTB A cấp, B cấp như sau:

STT	Tên thiết bị - vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Số lượng		Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thử nghiệm
				A cấp	B cấp	(*)	(**)
	PHẦN ĐIỆN						
	Hạng mục Trạm biến áp						
	<u>A. Thiết bị:</u>						
1	Bảng điện hạ thế trạm trụ thép (Thanh cái và phụ kiện đấu nối hoàn chỉnh)	Bảng	1,00		x		
2	Bảng điện hạ thế trạm phòng (Thanh cái và phụ kiện đấu nối hoàn chỉnh)	Bảng	1,00		x		

STT	Tên thiết bị - vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Số lượng		Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thử nghiệm
				A cấp	B cấp	(*)	(**)
3	Tủ điện hạ thế tổng 600x400x1250 (gồm thanh cái + phụ kiện đấu nối hoàn chỉnh)	bộ	6,00		x		
4	Aptomat hạ thế 250A 3P & phụ kiện	cái	27,00	x			
5	Aptomat hạ thế 400A 3P & phụ kiện	cái	3,00	x			
6	Aptomat hạ thế 600A 3P & phụ kiện	cái	1,00	x			
7	Aptomat hạ thế 800A 3P & phụ kiện	cái	3,00	x			
	<u>B. Vật liệu:</u>						
1	Cosse ép đồng 300mm ²	cái	86,00		x	x	
2	Cáp đồng bọc hạ thế 300mm ²	mét	210,00	x			
3	Giá đỡ tủ điện hạ thế treo trên trụ	bộ	6,00		x		
4	Ống nhựa PVC đk 114mm	mét	36,00		x		
5	COLLIER 114 (mạ nhúng)	bộ	18,00		x		
6	COUDE PVC 114	cái	24,00		x		
7	Foam nổi	tuyp	6,00		x		
	Hạng mục hạ thế ABC						
1	Cáp ABC 4x95mm ²	mét	30,00		x	x	
2	Đầu cosse Cu-Al 95mm ²	cái	24,00		x	x	
3	Cái nối bọc cách điện IPC 95-95	cái	48,00		x	x	
	Hạng mục Cáp ngầm hạ thế						
	<u>A. Thiết bị:</u>						
1	Aptomat hạ thế 400A 3P & phụ kiện	cái	48,00	x			
2	Thùng composite bảo vệ MCCB (0,63*0,45*0,42)	cái	48,00		x		
	<u>B. Vật liệu:</u>						
1	Cosse đồng 25mm ²	cái	120,00		x		
2	Đầu cosse Cu 240mm ²	cái	352,00		x	x	

STT	Tên thiết bị - vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Số lượng		Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thử nghiệm
				A cấp	B cấp	(*)	(**)
3	Cáp đồng bọc hạ thế 240mm ²	mét	446,00	x			
4	Cáp Cu trần M25	Kg	40,32		x		
5	Cáp ngầm ht 3*240+1*120mm ² (lõi nhôm)	mét	112,00	x			
6	Cáp ngầm ht 3*240+1*120mm ² (lõi đồng)	mét	3.814,00	x			
7	Hộp đầu cáp ngầm hạ thế 3x240+1x120mm ² (đầu cosse đồng nhôm)	bộ	16,00		x	x	
8	Hộp đầu cáp ngầm hạ thế 3x240+1x120mm ² (đầu cosse đồng)	bộ	60,00		x	x	
9	Đà U100 - 0,3m	cái	12,00		x		
10	Giá đỡ đầu cáp hạ thế	bộ	60,00		x		
11	Băng keo hạ thế	cái	54,00		x		
12	Ống sắt tráng kẽm d114	mét	24,00		x		
13	Ống sắt tráng kẽm d90	mét	58,50		x		
14	Ống nhựa HDPE d25	mét	336,00		x		
15	Kẹp đồng chữ C	cái	60,00		x		
16	Colier d 114 (mạ nhúng)	bộ	12,00		x		
17	Vis mạ zn 3x30	cái	432,00		x		
18	Boulon thép mạ có đai ốc 12*40 (bao gồm long đền)	cái	84,00		x		
19	Boulon thép mạ có đai ốc 16*300 (bao gồm long đền)	cái	12,00		x		
20	Boulon nở mạ kẽm 8x80	cái	36,00		x		
21	Khoen cỡ dây 240mm ² .	cái	156,00		x		
22	Silicon cách điện 300ml	Chai	39,00		x		
23	Thanh đồng bán 16x25	mét	9,00		x		

STT	Tên thiết bị - vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Số lượng		Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thử nghiệm
				A cấp	B cấp	(*)	(**)
24	Ống co nhiệt cách điện	mét	9,00		x		
25	Bảng tên tủ điện hạ thế	cái	54,00		x		
26	Bảng báo nguy hiểm	cái	54,00		x		
27	Bảng tên đầu cáp	cái	60,00		x		
	PHẦN KHÔNG CHUYÊN ĐIỆN						
	ĐAN BÊ TÔNG CỐT THÉP						
1	Cát bê tông	m3	19,30		x		
2	Đá 1x2cm	m3	31,79		x		
3	Đinh	kg	113,98		x		
4	Gỗ ván	m3	0,88		x		
5	Kẽm buộc 1,0 mm	kg	119,60		x		
6	Nước	lít	7.039,03		x		
7	Thép tròn đk Ø8mm	Kg	7.591,46		x		
8	Xi măng PC.40	kg	9.965,78		x		
	PHẦN ĐÀO MƯƠNG CÁP						
1	Lưới cửa D350	Cái	33,24		x		
2	Răng cào	Bộ	2,12		x		
	PHẦN TÁI LẬP MƯƠNG CÁP						
1	Bảng báo hiệu	m	3.910,00		x		
2	Keo Bituminuos	Kg	22,00		x		
3	Bê tông nhựa hạt mịn (C9,5)	Tấn	256,77		x		
4	Bê tông nhựa hạt trung (C19)	Tấn	81,39		x		
5	Cát tái lập mương cáp	m3	260,84		x		
6	Cát bê tông	m3	16,60		x		
7	Cát xây tô	m3	17,25		x		

STT	Tên thiết bị - vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Số lượng		Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thử nghiệm
				A cấp	B cấp	(*)	(**)
8	Cọc móc gang	Cọc	220,00		x		
9	Cọc móc sứ	Cọc	237,00		x		
10	Cấp phối đá dăm Loại 1	m3	170,58		x		
11	Cấp phối đá dăm Loại 2	m3	126,97		x		
12	Đá 1x2cm	m3	27,36		x		
13	Dầu diesel	Lít	0,24		x		
14	Gạch thẻ 4x8x18 (gạch không nung)	viên	18.824,40		x		
15	Đá granite	m²	11,51		x		
16	Gạch Terrazzo	m2	572,67		x		
17	Gas	kg	0,95		x		
18	Ống xoắn HDPE Ø 130/100	m	3.902,42		x	x	
19	Nắp bịt đầu ống xoắn HDPE D130/100	Cái	56,00		x		
20	Keo Megapoxy	kg	23,70		x		
21	Nhũ Tương gốc Axit 60%	Kg	1.587,73		x		
22	Nước	lít	9.975,92		x		
23	Vải địa kỹ thuật	m2	740,29		x		
24	Xi măng PC.40	kg	11.439,04		x		
25	Xi măng chèn gạch	kg	46,27		x		

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- P.KTAT, P.QLĐT;
- Lưu: P.KHVT; NTB (02).

**PHÒNG KTAT
TRƯỞNG PHÒNG**

**PHÒNG KHVT
TRƯỞNG PHÒNG**

Lăng Minh Tú

Trần Minh Tuấn

Ý kiến phê duyệt của Ông Giám đốc Hoàng Đình Ân